

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày: 05-02-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thuận và ông Hà Trọng Khá.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 142/2020/TLST-DS ngày 22/10/2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2020/QĐXXST-DS ngày 31/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Q, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn C, xã AA, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Trương Linh T, sinh năm 1984 và bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1984, địa chỉ: Khu phố M, phường Đ, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông T, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo và biên bản hòa giải nguyên đơn Đặng Thị Q trình bày: Ngày 25/4/2020, bà cho bà Lê Thị Ngọc H mượn 37.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền, thỏa thuận miệng mỗi tháng sẽ trả cho bà 5.000.000 đồng đến tháng 12/2020 thì trả hết số tiền là 40.000.000 đồng (trong đó gốc là 37.000.000 đồng, còn lãi là 3.000.000 đồng). Mặt sau giấy mượn tiền có thỏa thuận về lãi nhưng bà dán lại vì bà cho rằng vợ chồng T, H không có khả năng trả lãi. Sau khoảng một tháng thì bà H trả được 2.800.000 đồng. Số tiền thực nợ đến khi bà khởi kiện ra Tòa là 34.200.000 đồng. Sau đó, bà Q đã nhiều lần gọi điện, đến nhà nhưng không gặp, bà H không chịu trả nợ. Nay, bà yêu cầu vợ

chồng Ông T, bà H phải trả số tiền là 34.200.000 đồng, phải trả một lần từ thời điểm mượn ngày 25/4/2020 cho đến khi trả hết nợ, mức lãi suất thì bà yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2020 và tại phiên hòa giải ngày 07/12/2020 bị đơn Lê Thị Ngọc H trình bày: Thừa nhận việc bà mượn bà Q số tiền 37.000.000 đồng vào ngày 25/4/2020, sau đó đã trả được 2.800.000 đồng. Tuy nhiên, hai bên có thỏa thuận hàng tháng sẽ trả khoảng 5.000.000 đồng cho đến tháng 12/2020 thì trả hết nợ (trong đó gốc là 37.000.000 đồng, còn lãi là 3.000.000 đồng). Việc mượn tiền là của riêng bà H, dùng vào việc kinh doanh cá nhân, chồng bà là ông Trương Linh T biết việc mượn tiền này, nhưng ông T không liên quan gì. Do công việc làm ăn khó khăn, lại thêm dịch bệnh Covid nên bà không có khả năng trả nợ, phải vào Sài Gòn kiếm tiền. Bà đề nghị được giãn thời gian trả nợ, mỗi tháng sẽ cố gắng trả cho bà Q khoảng 2.000.000 đồng. Đối với lãi suất thì chỉ biết là vay 37.000.000 đồng đến khi trả nợ thì trả số tiền 40.000.000 đồng. Nay bà Q yêu cầu tính lãi từ thời điểm vay đến thời điểm trả nợ thì bà không có ý kiến gì, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Do bà đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh để kiếm tiền trả nợ nên không thể về theo thời gian Tòa triệu tập. Do đó, xin Tòa giải quyết vắng mặt trong các phiên họp, phiên tòa bà không có ý kiến gì. Về nội dung vụ án thì bà đã trình bày cụ thể, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng do bị đơn ông Trương Linh T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền gốc 34.200.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 30/5/2020 (ngày trả 2.800.000 đồng) đến thời điểm trả nợ hết. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị Ngọc H phải trả nợ, không yêu cầu ông Trương Linh T phải trả nợ cho bà Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 và 470 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn,

buộc bị đơn Lê Thị Ngọc H phải trả số nợ gốc 34.200.000 đồng và lãi vay theo thỏa thuận giữa các bên, thời gian tính lãi từ ngày 30/5/2020 đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Đặng Thị Q khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Trương Linh T và bà Lê Thị Ngọc H trả nợ cho bà nên xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Ông T, bà H có địa chỉ tại Khu phố M, phường Đ, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Do đó, TAND thành phố Tuy Hòa giải quyết vụ án theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Ông Trương Linh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật nhưng tại phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Ông T không đến tham gia phiên họp. Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn Trương Linh T để xét xử nhưng bị đơn vắng mặt. Bị đơn đã được thông báo nhưng từ bỏ quyền được trình bày ý kiến, tham gia tố tụng tại Tòa án, nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Trương Linh T theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nghĩa vụ trả nợ: Xét tại giấy mượn tiền ngày 25/4/2020 chỉ có bị đơn Lê Thị Ngọc H ghi và ký giấy nợ số tiền 37.000.000 đồng, hứa trả sớm nhất. Hai bên đương sự thống nhất bị đơn H đã trả được cho nguyên đơn 2.800.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là 34.200.000 đồng. Bị đơn H trình bày khoản vay này sử dụng vào việc làm ăn của cá nhân bị đơn, không liên quan đến chồng là ông Trương Linh T. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không có lời trình bày ý kiến tại Tòa nên không có cơ sở xác định số nợ 34.200.000 đồng là nghĩa vụ chung của vợ chồng Ông T, bà H. Do đó, xác định trách nhiệm trả nợ là của riêng bị đơn Lê Thị Ngọc H. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Q thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông Trương Linh T phải trả nợ cho bà. Xét việc rút yêu cầu đối với bị đơn Trương Linh T không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

Nguyên đơn Q đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn H không trả nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Lê Thị Ngọc H phải trả số nợ gốc 34.200.000 đồng cho nguyên đơn Đặng Thị Q.

[4] Lãi suất: Xét tại giấy mượn tiền, các đương sự không thỏa thuận trả lãi, tuy nhiên tại bản trình bày của bị đơn và tại phiên hòa giải, bị đơn thống nhất mượn số tiền 37.000.000 đồng và sẽ trả nợ số tiền là 40.000.000 đồng khi đến

tháng 12/2020, phù hợp với trình bày của nguyên đơn. Như vậy, xét các bên có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ nên xác định là Hợp đồng vay có kỳ hạn. Các bên có thỏa thuận miệng lãi suất trên số nợ gốc là 37.000.000 đồng, số tiền lãi phải trả là 3.000.000 đồng từ ngày 25/4/2020 cho đến 25/12/2020. Như vậy, lãi suất thỏa thuận của hai bên đương sự được xác định là 12,16%/tháng, không vượt mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[5] Thời gian tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 30/5/2020 cho đến ngày trả nợ. Bị đơn không có ý kiến gì. Xét, ngày 25/4/2020 bị đơn H mượn 37.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định ngày 30/5/2020, bị đơn H trả cho nguyên đơn 2.800.000 đồng, số nợ gốc còn lại 34.200.000 đồng kể từ ngày 30/5/2020. Do đó, thời gian tính lãi đối với số nợ gốc 34.200.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tính từ ngày 30/5/2020 cho đến thời điểm trả nợ là ngày Tòa án xét xử vụ án, ngày 05/02/2021 theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Khoản tiền lãi được tính cụ thể như sau:

(1) Lãi trong hạn (Tính từ ngày 30/5/2020 đến ngày 30/12/2020) = $34.200.000 \text{ đồng} \times 12,16\%/năm (1,01\%/tháng) \times 07 \text{ tháng} = 2.417.940 \text{ đồng}$.

(2) Lãi của lãi trong hạn (tính từ ngày 31/12/2020 cho đến ngày 05/02/2021) = $2.417.940 \text{ đồng} \times 10\%/năm (0,83\%/tháng) \times 01 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 23.508 \text{ đồng}$.

(3) Lãi quá hạn (tính từ ngày 31/12/2020 cho đến ngày 05/02/2021) = $34.200.000 \text{ đồng} \times (150\% \times 12,16\%/năm)/12 \text{ tháng} \times 01 \text{ tháng } 5 \text{ ngày} = 606.480 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi = (1) + (2) + (3) = 2.417.940 đồng + 23.508 đồng + 606.480 đồng = 3.047.928 đồng.

[7] Như vậy, bị đơn H phải trả cho nguyên đơn Q tổng số tiền 37.247.928 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi tám đồng) bao gồm số tiền nợ lãi là 3.047.928 đồng và số tiền nợ gốc 34.200.000 đồng.

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 06/2/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất thỏa thuận giữa các bên phù hợp với quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2, Điều 227, Điều 144, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Đặng Thị Q; Buộc bị đơn Lê Thị Ngọc H phải trả cho nguyên đơn Đặng Thị Q số tiền 37.247.928 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi tám đồng), trong đó tiền gốc 34.200.000 đồng, tiền lãi 3.047.928 đồng.

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 06/2/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất thỏa thuận giữa các bên phù hợp với quy định pháp luật.

2. Về án phí: Bị đơn Lê Thị Ngọc H phải chịu 1.862.396 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Đặng Thị Q số tiền 925.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000579 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên

